

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 5 - 2022.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Kim Mến.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M , tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H , sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 22, ấp T , xã T , huyện Tr , tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hải Đ , sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, ấp H , thị trấn M , huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Vào năm 2014, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống được 08 năm, đến tháng 10 năm

2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hợp tính nhau trong lối sống, bà H và ông Đ sống chung không còn hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/4/2022, bị đơn ông Phạm Hải Đ trình bày:* Ông Phạm Hải Đ và bà Nguyễn Thị Hồng H tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông Đ và bà H chung sống hạnh phúc được 08 năm, đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau trong lối sống. Nay ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phạm Hải Đ và bà Nguyễn Thị Hồng H không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và bị đơn ông Phạm Hải Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, bà H và ông Đ tổ chức cưới và sống chung vào năm 2014, nhưng không Đ ký kết hôn. Thời gian chung sống đến tháng 10 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau trong lối sống, không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ ly hôn, ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà H. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà H và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ .

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Phạm Hải Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009897 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M , tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M ;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện M ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ